

Bản án số: **31/2022/HS-ST**

Ngày: 08-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Tuyết M.

2. Bà Trần Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Công Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/HSST-QĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Thị Ngọc M (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ; Sinh ngày 24 tháng 5 năm 1970 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 50/21 đường L, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 03/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Ngọc S, sinh năm 1945 và bà Đỗ Thị C, sinh năm 1952; Hoàn cảnh gia đình: Có 03 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất sinh năm 1978; Chồng là Nguyễn Đăng Ph, sinh năm 1970, có 04 con lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2006.

Tiền sự: Không

Tiền án: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2021 “có mặt”.

Bị hại:

Bà Võ Thị Phương Th, sinh năm 1973

Địa chỉ: 54B đường T, Phường B, Quận T, TP. HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 10/08/2010, Lê Thị Ngọc M đến nhà chị Võ Thị Phương Th tại địa chỉ số 54B đường T, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để làm giúp việc trong nhà chị Th như thường lệ. M phát hiện 05 nhẫn vàng trắng của chị Th để tại đầu giường trong phòng ngủ lầu 1, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Để thực hiện ý định, M lén lút lấy 05 nhẫn vàng trắng của chị Th, bỏ vào túi quần M đang mặc. Sau đó, viết 02 tờ giấy thừa nhận việc chiếm đoạt 05 nhẫn nêu trên với chị Th và để ở đầu giường ngủ của chị Th. Sau đó, M ra khỏi phòng ngủ và đến gặp chị Th lấy 70.000 đồng để đi chợ và rời khỏi nhà chị Th.

Đến chiều cùng ngày 10/8/2010, M cầm 05 nhẫn vàng trắng cho anh Trần Huy H tại tiệm vàng “Hoàng Tuyết”, địa chỉ số 8 Chợ Ph, Phường B, Quận T, TP. Hồ Chí Minh được 5.500.000 đồng. M lấy 5.000.000 đồng trả nợ cho một nam thanh niên (không rõ lai lịch), còn lại 500.000 đồng M dùng vào việc tiêu xài cá nhân. Đến ngày 18/8/2010, M đến tiệm vàng Hoàng Tuyết đóng tiền lãi và ghi lại ngày cầm đồ. Ngày 18/9/2010, M nhờ người quen tên chị Bảy (không rõ lai lịch) đến tiệm vàng Hoàng Tuyết đóng tiền lãi. Đến ngày 09/10/2010, M nhờ người đàn ông chạy “xe ôm” (không rõ lai lịch) đưa giấy cầm 05 chiếc nhẫn nêu trên chuyển lại cho chị Th.

Do không thấy M quay lại sau khi đi chợ, khoảng 13 giờ 00 cùng ngày 10/8/2010, chị Th đã lên phòng ngủ lầu 1 kiểm tra phát hiện mất 05 nhẫn vàng trắng và thấy 02 tờ giấy do M viết, để lại trên đầu giường ngủ. Ngày 11/8/2010, chị Th đã đến Công an Phường 3, Quận 4 trình báo sự việc nêu trên.

Tại Bản kết luận định tài sản số: 533/TCKH-HĐĐG ngày 14/10/2010 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Quận 4 kết luận (Bút lục 62): 02 (hai) nhẫn vàng trắng kiểu tổ ong, 02 (hai) nhẫn vàng trắng kiểu ba ghết, 01 (một) nhẫn vàng tròn kiểu đồng hồ. Tổng trọng lượng 05 nhẫn là 16, 974 (cân luôn hộp) (Mười sáu chỉ, chín phân, bảy ly, bốn dem) có trị giá là: 8.911.350 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Thị Ngọc M thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. M thừa nhận có biết bị Cơ quan điều tra Công an Quận 4 truy nã nên đã bỏ trốn đi khỏi địa phương (Bút lục 78-93, 116-117).

Vật chứng vụ án:

- 02 tờ giấy có chiều dài khoảng 10cm, chiều ngang khoảng 10cm do M viết thừa nhận việc lấy tài sản của chị Th ngày 10/8/2010 lưu kèm hồ sơ vụ án (Bút lục 69, 70).

Về trách nhiệm dân sự: Chị Võ Thị Phương Th đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường gì khác. Anh Trần Huy H (chủ tiệm vàng Hoàng Tuyết, địa chỉ số 8 Chợ Ph, Phường B, Quận T) đã nhận bồi thường số tiền 5.500.000 đồng từ gia đình bị cáo M nên không yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lê Thị Ngọc M thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 trình bày lời luận tội: Cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 11/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 truy tố bị cáo Lê Thị Ngọc M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo thành khẩn khai báo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc M từ 12 tháng đến 15 tháng tù;

Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 02 tờ giấy có chiều dài khoảng 10cm, chiều ngang khoảng 10cm do M viết thừa nhận việc lấy tài sản của chị Th ngày 10/8/2010.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Võ Thị Phương Th đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì khác. Anh Trần Huy H (chủ tiệm vàng Hoàng Tuyết, địa chỉ số 8 Chợ Phạm Thế Hiển, Phường 4, Quận 8) đã nhận bồi thường số tiền 5.500.000 đồng từ gia đình bị cáo M nên không yêu cầu bồi thường gì khác nên không có gì để xét xét giải quyết.

Phản tranh luận: Bị cáo Lê Thị Ngọc M không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Lê Thị Ngọc M đã nhận ra hành vi sai trái, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 4, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Ngọc M không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2]. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Ngọc M thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Qua lời khai của bị cáo, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 10/08/2010, tại địa chỉ số 54B đường T, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Lê Thị Ngọc M đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 (hai) nhẫn vàng trắng kiểu tổ ong, 02 (hai) nhẫn vàng trắng kiểu ba ghết, 01 (một) nhẫn vàng tròn kiểu đồng hồ. Tổng trọng lượng 05 nhẫn là 16, 974 (Mười sáu chỉ, chín phân, bảy ly, bốn dem) có trị giá 8.911.350 đồng, của chị Võ Thị Phương Th. Hành vi của Lê Thị Ngọc M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, hành vi của Lê Thị Ngọc M đã phạm tội “Trộm cắp tài

sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3]. Hành vi của bị can là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản người khác được Nhà nước bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Để có tác dụng giáo dục và răn đe, căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm cần có mức án tương xứng để xử phạt. Tuy nhiên, xét các bị cáo thành khẩn khai báo, nên khi lượng hình có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4]. Về xử lý vật chứng: 02 tờ giấy có chiều dài khoảng 10cm, chiều ngang khoảng 10cm do M viết thừa nhận việc lấy tài sản của chị Th ngày 10/8/2010 là chứng cứ cần được tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Võ Thị Phương Th đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì khác. Anh Trần Huy H (chủ tiệm vàng Hoàng Tuyết, địa chỉ số 8 Chợ Ph, Phường B, Quận T) đã nhận bồi thường số tiền 5.500.000 đồng từ gia đình bị cáo M nên không yêu cầu bồi thường gì khác, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Ngọc M 01 (một) năm 03 (ba) tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2021.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 02 tờ giấy có chiều dài khoảng 10cm, chiều ngang khoảng 10cm do M viết thừa nhận việc lấy tài sản của chị Th ngày 10/8/2010.

- Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nội nhần:

- Bị cáo; (1)
- Người tham gia tố tụng (1)
- CA TP.HCM (PV 06); (2)
- TAND TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- VKSND Quận 4; (2)
- Công an Quận 4; (2)
- Chi cục THADS Quận 4; (1)
- Chi cục THAHS Quận 4; (3)
- Lưu VT, hồ sơ. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tân Quốc Bình